Chi tiết mã HS 3801.30.00

Mã HS	3801.30.00
Mô tả hàng hóa	Graphit nhân tạo; graphit dạng keo hoặc dạng bán keo; các chế phẩm làm từ graphit hoặc carbon khác ở dạng bột nhão, khối, tấm hoặc ở dạng bán thành phẩm khác / - Bột nhão carbon làm điện cực và các dạng bột nhão tương tự dùng để lót lò nung
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 10:29:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38013000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5332
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5332
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5332
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5177
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5138
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5138
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5138
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5138
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5138
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5138
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5182
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5182

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5182
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5182
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5182
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5182
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5180
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5180
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5180
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5180
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5180
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5180
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5180
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5144
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5140
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5140
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5140
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5140
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5140
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5140
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5149
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5149
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5149
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5149
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5149
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5149
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5187
VCFTA	2023	2023	3	VC!E5187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5187
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5187
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5187
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5187
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5184
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5184
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5184
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5184
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5184
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5184
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5192
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5192
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5192
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5192
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5192
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5192
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5163
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5163
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5163
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5163
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5163
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5163
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5165
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5165
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5165
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5165
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5165
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5163
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5163
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5163
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5163
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5163
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5163
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5163
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5184
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5184
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5184
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5184
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5184
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5184
RCEP B	2022	2022	0	B!D5184
RCEP B	2023	2023	0	B!E5184
RCEP B	2024	2024	0	B!F5184
RCEP B	2025	2025	0	B!G5184
RCEP B	2026	2026	0	B!H5184
RCEP B	2027	2027	0	B!I5184
RCEP C	2022	2022	0	C!D5184
RCEP C	2023	2023	0	C!E5184
RCEP C	2024	2024	0	C!F5184
RCEP C	2025	2025	0	C!G5184
RCEP C	2026	2026	0	C!H5184

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5184
RCEP D	2022	2022	0	D!D5184
RCEP D	2023	2023	0	D!E5184
RCEP D	2024	2024	0	D!F5184
RCEP D	2025	2025	0	D!G5184
RCEP D	2026	2026	0	D!H5184
RCEP D	2027	2027	0	D!I5184
RCEP E	2022	2022	0	E!D5187
RCEP E	2023	2023	0	E!E5187
RCEP E	2024	2024	0	E!F5187
RCEP E	2025	2025	0	E!G5187
RCEP E	2026	2026	0	E!H5187
RCEP E	2027	2027	0	E!I5187
RCEP F	2022	2022	0	F!D5184
RCEP F	2023	2023	0	F!E5184
RCEP F	2024	2024	0	F!F5184
RCEP F	2025	2025	0	F!G5184
RCEP F	2026	2026	0	F!H5184
RCEP F	2027	2027	0	F!I5184
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F4776
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G4776
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H4776
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I4776

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3801.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3801.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5332), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.